

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh;

Bà Đặng Thị Đới.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 10, thôn H, xã N, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mạc Như N, sinh năm 1974; nơi cư trú: Đội 10, thôn H, xã N, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Mạc Như N từ năm 1993 nhưng đến ngày 12 tháng 5 năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 31).

Quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất từ tháng 7 năm 2021, do anh N không tôn trọng ý kiến của chị và các con, mọi việc trong gia đình do anh quyết định, nếu mẹ con chị không thực hiện theo ý kiến của anh thì anh kiểm soát đánh chửi. Bản thân chị đã bị anh đánh chửi nhiều lần, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả nên mẹ con chị phải đi thuê nhà trọ ở tại thôn Đ, xã N từ tháng 8 năm 2021 đến nay, anh chị không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Mạc Như V, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1996; Mạc Thị P, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2003 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2022, anh Mạc Như N trình bày thống nhất với chị Đ về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ tháng 4 năm 2021 do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị Đ không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị sống ly thân từ đầu tháng 8 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đồng ý ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị Đ đã trình bày, nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Đ giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng

đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ; cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Mạc Như N.

- Về con chung: Anh chị có hai con là Mạc Như V, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1996; Mạc Thị P, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2003 đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Đ xin ly hôn anh Mạc Như N tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh N đang cư trú tại xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Mạc Như N (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ xin ly hôn anh Mạc Như N; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị Đ và anh Mạc Như N là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu

thuần trầm trọng từ giữa năm 2021, do bất đồng quan điểm sống, anh N không tôn trọng vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau và sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị Đ có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị Đ được ly hôn anh N là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh N tại biên bản lấy lời khai và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa..

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con là Mạc Như V, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1996; Mạc Thị P, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2003 đều đã thành niên, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Mạc Như N.
2. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002048 ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Đ đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Mạc Như N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Diệu**